

THÔNG BÁO
THỜI KHÓA BIỂU GIÁO DỤC THẺ CHẤT 2 - HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026
Áp dụng cho sinh viên đại học chính quy khóa 15, sinh viên học lại

1. Quy định về thời gian giảng dạy:

- *Sáng: *Chiều:
- Tiết 1: 07h00 - 07h50 - Tiết 6: 12h30 - 13h20
- Tiết 2: 07h55 - 08h45 - Tiết 7: 13h25 - 14h15
- Tiết 3: 08h50 - 09h40 - Tiết 8: 14h20 - 15h10
- Tiết 4: 09h50 - 10h40 - Tiết 9: 15h20 - 16h10
- Tiết 5: 10h45 - 11h35 - Tiết 10: 16h15 - 17h05

2. Các ngày nghỉ lễ:

- Giỗ tổ Hùng Vương: Thứ 2 ngày 27/4/2026
- Giải phóng Miền nam, Quốc tế lao động : Từ ngày 30/4 đến hết ngày 1/5/2026

3. Quy định về chữ viết tắt:

- LT: Lý thuyết - Sân CS1: Sân trường cơ sở 1, địa chỉ 41A Phú Diễn, Phường Phú Diễn, TP Hà Nội
- TH: Thực hành - 1,2,3,4: Tiết 1,2,3,4
- TC: Tín chỉ

4. Thời khóa biểu:

STT	Tên lớp học phần	Lớp	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần									
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học
1	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 01	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	PHẠM KIẾN CƯỜNG (20.002.GV)	1,2,3,4	Sân trường CS1								
2	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 01	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	PHẠM KIẾN CƯỜNG (20.002.GV)	1,2,3,4	Sân trường CS1								
3	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 01	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	PHẠM KIẾN CƯỜNG (20.002.GV)	1,2	Sân trường CS1								
4	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 02	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)	1,2,3,4	Sân trường CS1								
5	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 02	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)	1,2,3,4	Sân trường CS1								
6	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 02	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)	1,2	Sân trường CS1								
7	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 03	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN SỸ NGHỊ (20.009.GV)	1,2,3,4	Sân trường CS1								
8	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 03	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN SỸ NGHỊ (20.009.GV)	1,2,3,4	Sân trường CS1								
9	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 03	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN SỸ NGHỊ (20.009.GV)	1,2	Sân trường CS1								
10	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 04	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN MINH TÙNG (20.027.GV)	1,2,3,4	Sân trường CS1								
11	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 04	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN MINH TÙNG (20.027.GV)	1,2,3,4	Sân trường CS1								
12	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 04	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN MINH TÙNG (20.027.GV)	1,2	Sân trường CS1								

STT	Tên lớp học phần	Lớp	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần											
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ bảy	Phòng học
13	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 05	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN VIỆT BẢO DUY (20.024.GV)			1,2,3,4	Sân trường CS1								
14	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 05	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN VIỆT BẢO DUY (20.024.GV)			1,2,3,4	Sân trường CS1								
15	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 05	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN VIỆT BẢO DUY (20.024.GV)			1,2	Sân trường CS1								
16	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 06	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)			1,2,3,4	Sân trường CS1								
17	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 06	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)			1,2,3,4	Sân trường CS1								
18	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 06	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)			1,2	Sân trường CS1								
19	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 07	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	VŨ THỊ NHÀN (20.010.GV)			1,2,3,4	Sân trường CS1								
20	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 07	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	VŨ THỊ NHÀN (20.010.GV)			1,2,3,4	Sân trường CS1								
21	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 07	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	VŨ THỊ NHÀN (20.010.GV)			1,2	Sân trường CS1								
22	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 08	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	Nguyễn Lê Việt Phong (20.032.TG)			1,2,3,4	Sân trường CS1								
23	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 08	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	Nguyễn Lê Việt Phong (20.032.TG)			1,2,3,4	Sân trường CS1								
24	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 08	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	Nguyễn Lê Việt Phong (20.032.TG)			1,2	Sân trường CS1								
25	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 09	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN HỒNG THẨM (20.013.GV)				1,2,3,4	Sân trường CS1							
26	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 09	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN HỒNG THẨM (20.013.GV)				1,2,3,4	Sân trường CS1							
27	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 09	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN HỒNG THẨM (20.013.GV)				1,2	Sân trường CS1							
28	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 10	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	TRẦN THỊ DUYỀN (03.002.CV)						1,2,3,4	Sân trường CS1					
29	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 10	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	TRẦN THỊ DUYỀN (03.002.CV)				1,2,3,4	Sân trường CS1							
30	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 10	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	TRẦN THỊ DUYỀN (03.002.CV)				1,2	Sân trường CS1							
31	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 11	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN SỸ NGHỊ (20.009.GV)				1,2,3,4	Sân trường CS1							
32	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 11	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN SỸ NGHỊ (20.009.GV)				1,2,3,4	Sân trường CS1							
33	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 11	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN SỸ NGHỊ (20.009.GV)				1,2	Sân trường CS1							

STT	Tên lớp học phần	Lớp	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần											
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ bảy	Phòng học
34	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 12	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)					1,2,3,4	Sân trường CS1						
35	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 12	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)					1,2,3,4	Sân trường CS1						
36	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 12	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)					1,2	Sân trường CS1						
37	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 13	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	TRẦN THỊ THU HÀ (20.003.GV)							1,2,3,4	Sân trường CS1				
38	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 13	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	TRẦN THỊ THU HÀ (20.003.GV)							1,2,3,4	Sân trường CS1				
39	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 13	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	TRẦN THỊ THU HÀ (20.003.GV)							1,2	Sân trường CS1				
40	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 14	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)							1,2,3,4	Sân trường CS1				
41	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 14	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)							1,2,3,4	Sân trường CS1				
42	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 14	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)							1,2	Sân trường CS1				
43	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 15	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	VŨ THỊ NHÀN (20.010.GV)							1,2,3,4	Sân trường CS1				
44	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 15	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	VŨ THỊ NHÀN (20.010.GV)							1,2,3,4	Sân trường CS1				
45	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 15	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	VŨ THỊ NHÀN (20.010.GV)							1,2	Sân trường CS1				
46	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 16	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN VIỆT BẢO DUY (20.024.GV)							1,2,3,4	Sân trường CS1				
47	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 16	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN VIỆT BẢO DUY (20.024.GV)							1,2,3,4	Sân trường CS1				
48	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 16	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN VIỆT BẢO DUY (20.024.GV)							1,2	Sân trường CS1				
49	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 17	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)									1,2,3,4	Sân trường CS1		
50	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 17	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)									1,2,3,4	Sân trường CS1		
51	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 17	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)									1,2	Sân trường CS1		
52	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 18	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)									1,2,3,4	Sân trường CS1		
53	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 18	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)									1,2,3,4	Sân trường CS1		
54	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 18	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)									1,2	Sân trường CS1		

STT	Tên lớp học phần	Lớp	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần											
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ bảy	Phòng học
55	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 19	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN MINH TÙNG (20.027.GV)									1,2,3,4	Sân trường CS1		
56	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 19	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN MINH TÙNG (20.027.GV)									1,2,3,4	Sân trường CS1		
57	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 19	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN MINH TÙNG (20.027.GV)									1,2	Sân trường CS1		
58	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 20	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	ĐẶNG THANH TÙNG (20.020.GV)									1,2,3,4	Sân trường CS1		
59	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 20	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	ĐẶNG THANH TÙNG (20.020.GV)									1,2,3,4	Sân trường CS1		
60	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 20	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	ĐẶNG THANH TÙNG (20.020.GV)									1,2	Sân trường CS1		
61	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 21	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	PHẠM KIẾN CƯỜNG (20.002.GV)	7,8,9,10	Sân trường CS1										
62	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 21	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	PHẠM KIẾN CƯỜNG (20.002.GV)	7,8,9,10	Sân trường CS1										
63	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 21	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	PHẠM KIẾN CƯỜNG (20.002.GV)	7,8	Sân trường CS1										
64	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 22	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)	7,8,9,10	Sân trường CS1										
65	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 22	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)	7,8,9,10	Sân trường CS1										
66	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 22	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)	7,8	Sân trường CS1										
67	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 23	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG (20.019.CV)	7,8,9,10	Sân trường CS1										
68	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 23	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG (20.019.CV)	7,8,9,10	Sân trường CS1										
69	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 23	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG (20.019.CV)	7,8	Sân trường CS1										
70	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 24	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN MINH TÙNG (20.027.GV)	7,8,9,10	Sân trường CS1										
71	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 24	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN MINH TÙNG (20.027.GV)	7,8,9,10	Sân trường CS1										
72	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 24	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN MINH TÙNG (20.027.GV)	7,8	Sân trường CS1										
73	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 25	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN VIỆT BẢO DUY (20.024.GV)			7,8,9,10	Sân trường CS1								
74	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 25	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN VIỆT BẢO DUY (20.024.GV)			7,8,9,10	Sân trường CS1								
75	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 25	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN VIỆT BẢO DUY (20.024.GV)			7,8	Sân trường CS1								

STT	Tên lớp học phần	Lớp	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần											
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ bảy	Phòng học
76	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 26	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN SỸ NGHỊ (20.009.GV)			7,8,9,10	Sân trường CS1								
77	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 26	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN SỸ NGHỊ (20.009.GV)			7,8,9,10	Sân trường CS1								
78	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 26	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN SỸ NGHỊ (20.009.GV)			7,8	Sân trường CS1								
79	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 27	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	VŨ THỊ NHÂN (20.010.GV)			7,8,9,10	Sân trường CS1								
80	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 27	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	VŨ THỊ NHÂN (20.010.GV)			7,8,9,10	Sân trường CS1								
81	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 27	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	VŨ THỊ NHÂN (20.010.GV)			7,8	Sân trường CS1								
82	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 28	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	Nguyễn Lê Việt Phong (20.032.TG)			7,8,9,10	Sân trường CS1								
83	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 28	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	Nguyễn Lê Việt Phong (20.032.TG)			7,8,9,10	Sân trường CS1								
84	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 28	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	Nguyễn Lê Việt Phong (20.032.TG)			7,8	Sân trường CS1								
85	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 29	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)					7,8,9,10	Sân trường CS1						
86	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 29	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)					7,8,9,10	Sân trường CS1						
87	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 29	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)					7,8	Sân trường CS1						
88	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 30	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN HỒNG THẨM (20.013.GV)					7,8,9,10	Sân trường CS1						
89	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 30	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN HỒNG THẨM (20.013.GV)					7,8,9,10	Sân trường CS1						
90	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 30	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN HỒNG THẨM (20.013.GV)					7,8	Sân trường CS1						
91	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 31	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	PHẠM THỊ YẾN (20.021.GV)					7,8,9,10	Sân trường CS1						
92	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 31	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	PHẠM THỊ YẾN (20.021.GV)					7,8,9,10	Sân trường CS1						
93	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 31	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	PHẠM THỊ YẾN (20.021.GV)					7,8	Sân trường CS1						
94	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 32	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN SỸ NGHỊ (20.009.GV)					7,8,9,10	Sân trường CS1						
95	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 32	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN SỸ NGHỊ (20.009.GV)					7,8,9,10	Sân trường CS1						
96	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 32	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN SỸ NGHỊ (20.009.GV)					7,8	Sân trường CS1						

STT	Tên lớp học phần	Lớp	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần											
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ bảy	Phòng học
97	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 33	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	TRẦN THỊ THU HÀ (20.003.GV)							6,7,8,9	Sân trường CSI				
98	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 33	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	TRẦN THỊ THU HÀ (20.003.GV)							6,7,8,9	Sân trường CSI				
99	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 33	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	TRẦN THỊ THU HÀ (20.003.GV)							7,8	Sân trường CSI				
100	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 34	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)							7,8,9,10	Sân trường CSI				
101	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 34	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)							7,8,9,10	Sân trường CSI				
102	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 34	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)							7,8	Sân trường CSI				
103	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 35	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	VŨ THỊ NHÀN (20.010.GV)							7,8,9,10	Sân trường CSI				
104	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 35	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	VŨ THỊ NHÀN (20.010.GV)							7,8,9,10	Sân trường CSI				
105	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 35	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	VŨ THỊ NHÀN (20.010.GV)							7,8	Sân trường CSI				
106	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 36	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN VIỆT BẢO DUY (20.024.GV)							7,8,9,10	Sân trường CSI				
107	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 36	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN VIỆT BẢO DUY (20.024.GV)							7,8,9,10	Sân trường CSI				
108	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 36	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN VIỆT BẢO DUY (20.024.GV)							7,8	Sân trường CSI				
109	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 37	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	TRẦN THỊ THU HÀ (20.003.GV)									7,8,9,10	Sân trường CSI		
110	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 37	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	TRẦN THỊ THU HÀ (20.003.GV)									7,8,9,10	Sân trường CSI		
111	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 37	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	TRẦN THỊ THU HÀ (20.003.GV)									7,8	Sân trường CSI		
112	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 38	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)									7,8,9,10	Sân trường CSI		
113	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 38	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)									7,8,9,10	Sân trường CSI		
114	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 38	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	TRẦN DUY HOÀNG (20.005.GV)									7,8	Sân trường CSI		
115	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 39	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)									7,8,9,10	Sân trường CSI		
116	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 39	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)									7,8,9,10	Sân trường CSI		

STT	Tên lớp học phần	Lớp	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần											
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ bảy	Phòng học
117	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 39	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)									7,8	Sân trường CS1		
118	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 40	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN MINH TÙNG (20.027.GV)									7,8,9,10	Sân trường CS1		
119	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 40	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN MINH TÙNG (20.027.GV)									7,8,9,10	Sân trường CS1		
120	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 40	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN MINH TÙNG (20.027.GV)									7,8	Sân trường CS1		
121	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 41	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	TRẦN THỊ DUYỀN (03.002.CV)							7,8,9,10	Sân trường CS1				
122	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 41	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	TRẦN THỊ DUYỀN (03.002.CV)											1,2,3,4	Sân trường CS1
123	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 41	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	TRẦN THỊ DUYỀN (03.002.CV)											1,2	Sân trường CS1
124	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 42	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN VĂN TIẾN (20.017.GV)											1,2,3,4	Sân trường CS1
125	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 42	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN VĂN TIẾN (20.017.GV)											1,2,3,4	Sân trường CS1
126	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 42	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN VĂN TIẾN (20.017.GV)											1,2	Sân trường CS1
127	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 43	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN VIỆT HÀ (20.004.GV)											1,2,3,4	Sân trường CS1
128	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 43	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN VIỆT HÀ (20.004.GV)											1,2,3,4	Sân trường CS1
129	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 43	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN VIỆT HÀ (20.004.GV)											1,2	Sân trường CS1
130	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 44	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN VĂN TIẾN (20.017.GV)											7,8,9,10	Sân trường CS1
131	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 44	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN VĂN TIẾN (20.017.GV)											7,8,9,10	Sân trường CS1
132	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 44	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN VĂN TIẾN (20.017.GV)											7,8	Sân trường CS1
133	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 45	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN VIỆT HÀ (20.004.GV)											7,8,9,10	Sân trường CS1
134	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 45	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN VIỆT HÀ (20.004.GV)											7,8,9,10	Sân trường CS1
135	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 45	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN VIỆT HÀ (20.004.GV)											7,8	Sân trường CS1
136	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 46	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)											7,8,9,10	Sân trường CS1
137	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 46	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)											7,8,9,10	Sân trường CS1

STT	Tên lớp học phần	Lớp	Số TC	Hình thức học	LT	TH	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Lịch học trong tuần											
										Thứ Hai	Phòng học	Thứ Ba	Phòng học	Thứ Tư	Phòng học	Thứ Năm	Phòng học	Thứ Sáu	Phòng học	Thứ bảy	Phòng học
138	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 46	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	PHẠM VĂN THÀNH (20.014.GV)											7,8	Sân trường CS1
139	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 47	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	TRẦN THỊ THU HÀ (20.003.GV)									1,2,3,4	Sân trường CS1		
140	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 47	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	TRẦN THỊ THU HÀ (20.003.GV)									1,2,3,4	Sân trường CS1		
141	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 47	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	TRẦN THỊ THU HÀ (20.003.GV)									1,2	Sân trường CS1		
142	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 48	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN VIỆT HÀ (20.004.GV)							2,3,4,5	Sân trường CS1				
143	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 48	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN VIỆT HÀ (20.004.GV)							1,2,3,4	Sân trường CS1				
144	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 48	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN VIỆT HÀ (20.004.GV)							1,2	Sân trường CS1				
145	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 49	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	NGUYỄN VIỆT HÀ (20.004.GV)							7,8,9,10	Sân trường CS1				
146	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 49	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	NGUYỄN VIỆT HÀ (20.004.GV)							7,8,9,10	Sân trường CS1				
147	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 49	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	NGUYỄN VIỆT HÀ (20.004.GV)							7,8	Sân trường CS1				
148	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 50	1	TH	0	30	5	23/03 - 26/04/26	PHẠM KIẾN CƯỜNG (20.002.GV)									7,8,9,10	Sân trường CS1		
149	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 50	1	TH	0	30	2	04/05 - 17/05/26	PHẠM KIẾN CƯỜNG (20.002.GV)									7,8,9,10	Sân trường CS1		
150	Giáo dục thể chất 2 - Điền kinh 1	Lớp 50	1	TH	0	30	1	18/05 - 24/05/26	PHẠM KIẾN CƯỜNG (20.002.GV)									7,8	Sân trường CS1		

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc giảng viên, sinh viên liên hệ thầy Trần Ánh Dương (Cán bộ phòng Đào tạo), Số điện thoại: 0973750090 để được hỗ trợ

Nơi nhận:

- Phó Hiệu trưởng Vũ Danh Tuyên;
- Các khoa thuộc Trường;
- Các phòng: TTGD&PC, KH-TC;
- Công thông tin sinh viên;
- Lưu: VT, ĐT.TD (2)

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Huy